

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/ HS - ST  
Ngày 13 - 5 - 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Như Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Phạm Tuấn Thịnh

Bà: Trần Thị Huệ

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/TLST-HS ngày 06/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 03/4/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/HSST - QĐ ngày 22/4/2020 đối với bị cáo:

**Phạm Trung H** ( Tên gọi khác: Không) – Sinh ngày: 07/7/1985 tại huyện V, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Phạm Văn D; Sinh năm: 1959 hiện không rõ địa chỉ; Con bà: Lương Lê D; Sinh năm: 1954

Trú tại: 63 Ngô Quyền, phường 6 thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ: Từ Tổ N; Sinh năm: 1986; Trú tại: Đội 4, xã H, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Bị cáo có 02 con chung với chị Từ Tổ N; Lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009.

Ngoài ra bị cáo còn chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn với chị K Bươn; Sinh năm: 1982 ; Trú tại tổ dân phố B 2, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và đã có 03 con chung với chị K Bươn; Lớn nhất sinh năm: 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

***Nhân thân:*** Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/12/2019, tạm giam ngày 25/12/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại:** Chị Nguyễn Thị O; Sinh năm: 1983.

Trú tại: Tổ dân phố số 3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Những người làm chứng:** Trần Thế Tr, Nguyễn Văn D - Có mặt tại phiên tòa.

Triệu Xuân D, Lương Lê D, Từ Thị Như - Điều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 23/7/2006 Triệu Xuân D; Sinh năm 1985 là người trú tại thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai đi xe máy Drem BKS 24K3-1031 đến nhà Phạm Trung H ở thôn 5, thị trấn P (Nay là tổ dân phố số 5, thị trấn P) tỉnh Lào Cai. Sau đó Phạm Trung H và Triệu Xuân D đi đến nhà Trần Thế Ch (Tên gọi khác Trần Thế Tr) là người cùng ở tổ dân phố số 5 thị trấn P, huyện B. Tại đây Phạm Trung H đã rủ Triệu Xuân D và Trần Thế Ch đi trộm cắp xe máy, cả hai đồng ý nhận lời. Khi đi Trần Thế Ch cầm theo 01 chiếc đèn pin và cả 3 đi về phía nhà ông Nguyễn Văn M tại tổ dân phố số 5, thị trấn P. Trên đường đi cả ba gặp Nguyễn Văn D cũng là người trú tại tổ dân phố số 5 thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do Nguyễn Văn D đã được Phạm Trung H rủ đi trộm cắp xe máy từ buổi trưa ngày 23/7/2006 nên Nguyễn Văn D đã chuẩn bị sẵn 01 chiếc đèn pin, đồng thời Phạm Trung H bảo Nguyễn Văn D mang theo 01 chùm chìa khóa rồi cả 4 cùng nhau đi đến phía sau nhà ông Nguyễn Văn M, đợi cho gia đình ông Nguyễn Văn M đi ngủ, cả nhóm đi vào gian trái nhà của gia đình ông Nguyễn Văn M, khi vào đến nơi cả nhóm phát hiện 01 chiếc xe Honda Wavex màu xanh BKS 24K6 - 6803 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị O (Là con gái của ông Nguyễn Văn M) dựng chân chống giữa và khóa cổ. Tiếp đó Phạm Trung H cùng đồng bọn khiêng chiếc xe máy ra khỏi phòng và đặt trên đường sau nhà ông Nguyễn Văn M đồng thời lúc này Nguyễn Xuân D dùng chìa khóa mang theo từ trước để mở ổ khóa điện. Sau khi mở được khóa điện Phạm Trung H bảo Triệu Xuân D điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đi ra đường Quốc lộ 70 trước, Phạm Trung H đi sau còn Trần Thế Ch và Nguyễn Văn D đi về nhà. Khi Triệu Xuân D điều khiển xe máy đi đến gần Quốc lộ 70 thì tổ công tác công an thị trấn P yêu cầu dừng xe kiểm tra, lúc này Triệu Xuân D đã bỏ lại xe và chạy trốn. Một lúc sau Phạm Trung H đi xe máy Drem BKS 24K3 - 1031 của Triệu Xuân D đến thì bị tổ công tác công an thị trấn P yêu cầu dừng xe và đưa về trụ sở UBND thị trấn P làm việc. Tại đây Phạm Trung H đã làm bản tường trình về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân và các đối tượng liên quan. Trong khi làm việc tại UBND thị trấn P, lợi dụng sự sơ hở trong khi làm việc Phạm Trung H đã bỏ trốn và trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã đối với Phạm Trung H. Đến ngày 16/12/2019 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã bắt truy

nã đối với Phạm Trung H tại tổ dân phố B 2, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Tại biên bản định giá tài sản số 24/BB.ĐG ngày 10/8/2006 của hội đồng định giá tài sản huyện B đã kết luận: 01 xe mô tô Wave x do Việt nam sản xuất, màu sơn xanh BKS 24K6 - 6803 đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị O có trị giá còn lại là 10.320.000đ (Mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Trong vụ án này đối với Triệu Xuân D, Trần Thế Ch và Nguyễn Văn D là những đối tượng cùng tham gia trong vụ án với vai trò là đồng phạm đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt Triệu Xuân D 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Xử phạt Trần Thế Ch và Nguyễn Văn D 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Theo bản án số 34/2006/HSST ngày 23/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Quá trình điều tra Phạm Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 05/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Phạm Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Trung H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Trung H phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung H từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

**Về vật chứng:** Đã được xử lý tại bản án số 34/2006/HSST ngày 23/11/2006. Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

**[2] Về hành vi phạm tội:** Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án, cụ thể: Khoảng 23 giờ ngày 23/7/2006 Phạm Trung H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Để có tiền ăn tiêu phục vụ cho nhu cầu cá nhân Phạm Trung H đã rủ Triệu Xuân D, Trần Thế Ch và Nguyễn Văn D thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave x BKS 24K6 - 6803 của chị Nguyễn Thị O có trị giá là 10.320.000đ (Mười triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) nhằm mục đích đem bán lấy tiền chia nhau để tiêu sài cá nhân. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Phạm Trung H là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Điều đáng lưu ý hơn là sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác trong thời gian bỏ trốn vào năm 2015 bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng và đã bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 01 năm 03 tháng tù theo bản án số 78/2015/HSST ngày 11/11/2015 và bản án hình sự phúc thẩm số 10/2016/HSPT ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Sau khi chấp song hình phạt tù, không lấy đó làm bài học năm 2017 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" và bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 01 năm tù theo bản án số 49/2017/HSST ngày 26/6/2017. Sau khi chấp hành song hình phạt tù của bản án này đến ngày 16/12/2019 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã số 01 ngày 09/10/2006 của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B.

Quá trình điều tra Phạm Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Trung H đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bởi lẽ theo quy định tại nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 05/7/2017; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về việc thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội. Đối chiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 đều có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm tù. Do vậy cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặt khác quá trình điều tra bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc điều tra truy tố. Điều đáng lưu ý trong thời gian bỏ trốn khỏi địa phương bị cáo đã liên tục có hành vi " Trộm cắp tài sản" Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phạm Trung H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 78/2015/HSST ngày 11/11/2015 của Tòa án nhân dân Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và bản án phúc thẩm số

10/2016/HSPT ngày 20/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Năm 2016 Phạm Trung H đã thi hành xong bản án trên.

Năm 2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Phạm Trung Hiếu 01 (Một) năm tù về tội " Trộm cắp tài sản" theo bản án số 49/2017/HSST ngày 26/6/2017. Tháng 10/2018 Phạm Trung H chấp hành xong hình phạt tù của bản án trên. Tính đến nay bị cáo chưa được xóa án tích. Tuy nhiên các bản án này không coi là tiền án để xử lý đối với bị cáo về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc tình tiết định khung đối với bị cáo vì các hành vi này bị cáo Phạm Trung H đều thực hiện sau thời điểm bị cáo thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" của chị Nguyễn Thị O vào đêm ngày 23 rạng ngày 24/7/2006. Xong đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh và lên một mức hình phạt phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

**[3] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:**

Bị cáo Phạm Trung H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:**

Bị cáo Phạm Trung H có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đó là gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thể hiện tính khoan hồng của nhà nước ta.

**[5] Về hình phạt bổ sung:** Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra bị hại chị Nguyễn Thị O đã được cơ quan điều tra công an huyện B trả lại tài sản là chiếc xe Honda Wave x BKS 24K6 - 6803 ngày 26/7/2006, đến nay chị Nguyễn Thị O không yêu cầu bị cáo Phạm Trung H phải bồi thường thiệt hại. Do vậy Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**[7] Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô Dream BKS 24K3 - 1031 do Triệu Xuân D sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ông Triệu A Cào, Quá trình điều tra thể hiện khi Triệu Xuân D sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội ông Triệu A Cào không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do vậy cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Triệu A Cào theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 16/10/2006. Đến nay ông Triệu A Cào không có ý kiến gì Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa đã cũ, 01 chiếc đèn pin sắt do Trung Quốc sản xuất đã được xử lý tại bản án số 34/2006 ngày 23/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện B nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

**[8] Về án phí:** Bị cáo Phạm Trung H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Phạm Trung H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

### **1. Về hình phạt:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20, 53 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 16/12/2019.

**2. Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Trung H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Trại Tạm giam công an tỉnh Lào Cai;
- PC 81;
- THA HS - DS (03);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS – TA- VP(03).

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Phạm Như Long***

